Cho CSDL D2\_QuanLySanPhamDB có bảng SanPham(MaSP, TenSanPham, DoanGia, SoLuongBan, TienBan).

Câu 1. (CĐR L4: 6 điểm). Tạo Project Web API tại ổ đĩa D, đặt tên là MaSinhVien\_HoTen (Ví dụ: 2020768745\_ NguyenThiAnh, họ tên là tiếng Việt không dấu)

1. (1.5đ) Tạo Web API trả về toàn bộ dữ liệu trong bảng SanPham, đặt tên là DanhSachSP, sử dụng GET request.
2. (1.5đ) Tạo Web API thêm một sản phẩm cho bảng SanPham, đặt tên là ThemSP, sử dụng POST request.
3. (1.5đ) Tạo Web API xóa một phẩm theo MaSP, đặt tên là XoaNhanvien, sử dụng DELETE request.
4. (1.5đ) Tạo Web API sửa một phẩm theo MaSP, đặt tên là SuaNhanvien, sử dụng PUT request.
5. Tạo Web API trả về dữ liệu trong bảng SanPham có SoLuongBan > 5, đặt tên là DSSoLuong, sử dụng GET request.
6. (1.5đ) Triển khai Project Web API lên IIS

Câu 2. (CĐR L4: 4 điểm). Tạo Project Windows Forms tại ổ đĩa D, đặt tên là MaSinhVien\_HoTen\_call. Thiết kế form có các Label, TextBox, Button, DataGridView để thực hiện các công việc:

1. (1đ) Viết mã gọi Web API DanhSachSP để hiển thị danh sách các nhân viên trên DataGridView.
2. (1.5đ) Viết mã gọi Web API ThemSanPham để thêm một sản phẩm vào bảng SanPham
3. (1.5đ) Viết mã gọi Web API Sua SanPham để xóa một sản phẩm từ bảng SanPham
4. (1.5đ) Viết mã gọi Web API Xoa SanPham để xóa một sản phẩm từ bảng SanPham
5. Viết mã gọi DSSoLuong hiển thị lên Window2.

**Code SQL:**

USE MASTER

GO

if DB\_ID('QuanLySanPhamDB') is not null

DROP DATABASE QuanLySanPhamDB;

CREATE DATABASE QuanLySanPhamDB;

GO

USE QuanLySanPhamDB;

GO

CREATE TABLE SanPham(

MaSP int primary key,

TenSanPham nvarchar(50),

DonGia float,

SoLuongBan float,

TienBan float,

MaNhomHang int foreign key references NhomHang(MaNhomHang)

)

GO

INSERT INTO SanPham VALUES

(1,N'Iphone 7',1000000,2,2000000,1),

(2,N'Son phấn',100000,2,200000,2),

(3,N'Áo phông',150000,2,300000,3),

(4,N'Cây lau nhà',420000,1,420000,4),

(5,N'Note 10',8000000,2,16000000,1),

(6,N'Iphone 8',1100000,2,2200000,1);